



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG - T.D.K
THANG LONG - T.D.K AUDITING AND CONSULTANT COMPANY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÁI HÒA

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG - T.D.K

Trụ sở chính: Số 23 phố Đỗ Quang - Trung Hòa - Cầu Giấy - Hà Nội

Tel: 04. 6251 0008 - Fax: 04. 6251 1327

Email: thanglongkiemtoan@gmail.com

Website: www.kiemtoantaichinh.com

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÁI HÒA

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG - T.D.K

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 2
2	Báo cáo kiểm toán hợp nhất	3 - 4
3	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>	5 - 6
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	7
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</i>	8 - 9
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất</i>	10 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Hoà Việt Nam trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Hoà Việt Nam (Sau đây viết tắt là "Công ty"), chuyển đổi từ Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thái Hoà, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100367361 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/05/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 30/08/2010. Theo đó:

Trụ sở chính: Số 352 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

Vốn điều lệ: **550.000.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi tỷ đồng);**

Các công ty con và công ty liên kết của Công ty như sau :

STT	Tên	Địa chỉ
1	Công ty CP Cà phê An Giang	Đường 4 KCN Tam Phước, TP Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
2	Công ty CP Cà Phê Thái Hoà Lâm Đồng	Thị trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng
3	Công ty CP Cà Phê Thái Hoà Quảng Trị	Thị trấn Lao Bảo, huyện Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị
4	Công ty TNHH MTV cao su Thái Hoà Lào	Banr Đông NaSan, huyện Noong, tỉnh SaVaNaKhet.
5	Công ty TNHH MTV Thái Hoà Nghệ An	Xóm Hưng Bắc, Tây Hiếu, TX Thái Hoà, tỉnh Nghệ An
6	Công ty CP Cà Phê Thái Hoà Sơn La	Xã Chiềng Mung - Huyện Mai Sơn - Tỉnh Sơn La
7	Công ty TNHH MTV Thái Ninh	Thị trấn Khe Sanh, huyện Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị
8	Công ty CP Cà Phê Thái Hoà Hòa Bình	Xóm Xê 3, xã Ngọc Lâu, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình
9	Công ty Cổ phần Thái Hoà Hồ Chí Minh	Tầng 12 - Tòa nhà Gilimex - 24C Phan Đăng Lưu - Phường 6
10	Công ty Cổ phần Thái Hoà Buôn Ma Thuột	153 Nguyễn Chí Thanh, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Daklak
11	Công ty Cổ phần Thái Hoà Mường Ảng	Khối 7 - TT Mường Ảng - Mường Ảng - Điện Biên
12	Công ty TNHH MTV Cà phê Thái Hoà Lào	Bản Vật Luồng, huyện Paksong, tỉnh Chămpasak, Lào

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Các thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

Tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn An	Chủ tịch	
Ông Lương Đức Loan	Thành viên	Từ nhiệm ngày 16/05/2012
Bà Ngô Thị Hạnh	Thành viên	Từ nhiệm ngày 16/05/2012
Ông Lê Quang Đạo	Thành viên	Từ nhiệm ngày 16/05/2012
Ông Vũ Lê Ban	Thành viên	Bầu ngày 16/05/2012
Bà Hà Thị Kim Thoa	Thành viên	
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Thành viên	Bầu ngày 16/05/2012
Ông Ngô Thanh Hùng	Thành viên	Bầu ngày 16/05/2012

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn An	Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Hạnh	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long – T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được Hội đồng quản trị bổ nhiệm làm kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Hoà.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN AN
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2013



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG - T.D.K

THANG LONG - T.D.K AUDITING AND CONSULTANT COMPANY

Trụ sở chính tại Hà Nội	: Số 23 Đỗ Quang, Cầu Giấy, Hà Nội	- Tel: (04)6 251 0008	- Fax: (04)6 251 1327
Chi nhánh Miền nam	: C14, Quang Trung, phường 11	- Tel: (08)3 589 7462	- Fax: (08)3 589 7464
Chi nhánh Quận 1 - TP. HCM	: Số 28 Đặng Tất, quận 1, TP. HCM	- Tel: (08)3 848 0763	- Fax: (08)3 526 7187
Chi nhánh Đà Nẵng	: Số 42 Trần Tông, TP. Đà Nẵng	- Tel: (0511)3 651 818	- Fax: (0511)3 651 868
Chi nhánh Lạng Sơn	: Tô 2, khối 14, đường Bà Triệu	- Tel: (025)3 718 545	- Fax: (025)3 716 264

Số: 94.4/12/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Hoà

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÁI HOÀ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Hoà được lập ngày 03 tháng 4 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 05 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Công việc kiểm toán của chúng tôi được tiến hành theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực và quy chế này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, thu thập các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

- Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính năm 2012 được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính Quốc tế. Kiểm toán viên năm trước đã đưa ra ý kiến ngoại trừ về: Sự hiện hữu và giá trị của các khoản mục tiền mặt, tài sản cố định, hàng tồn kho và chi phí xây dựng cơ bản dở dang; Lãi vay ngân hàng quá hạn chưa được ghi nhận đầy đủ của Công ty Cổ phần Cà phê An Giang. Do đó, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán để đảm bảo tính trung thực và hợp lý của các số liệu nêu trên. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về Số dư đầu năm và số liệu Năm trước trên Báo cáo tài chính cũng như ảnh hưởng của các số liệu này đến Báo cáo tài chính năm 2012.

- Đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa được cung cấp tài liệu chứng minh số dư chi tiết đầu năm 2012 của các công ty con khớp đúng với số dư chi tiết là căn cứ lập Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty đã được kiểm toán.

- Do hạn chế từ phía đơn vị, chúng tôi đã không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định tại ngày 31/12/2012 và chúng tôi cũng không thể thực hiện kiểm kê tại thời điểm kiểm toán. Vì vậy, chúng tôi cũng không thể kiểm tra được tính hiện hữu của số lượng tiền, hàng tồn kho và tài sản cố định của Công ty tại thời điểm nêu trên.

- Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng của Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Hoà cho năm tài chính 2012 đã nêu ý kiến ngoại trừ về việc chưa thu thập được bằng chứng về việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm. Theo đó, chúng tôi cũng không đưa ra ý kiến nhận xét về ảnh hưởng của hạn chế này đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

- Báo cáo tài chính sử dụng cho mục đích hợp nhất của một số công ty con chưa được kiểm toán độc lập. Tổng giá trị tài sản, doanh thu và lợi nhuận trước thuế của các công ty con chưa được kiểm toán là: Tổng giá trị tài sản là 534.001.722.806 đồng; Tổng doanh thu là 115.596.546.562 đồng; tổng lợi nhuận trước thuế là âm 51.389.870.847 đồng.

- Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cà phê An Giang (công ty con) cho năm tài chính 2012 đã nêu ý kiến ngoại trừ về: Khoản lãi vay quá hạn chưa ghi nhận đầy đủ trong năm; Chưa thu thập được bằng chứng về việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi cuối năm; Chưa đánh giá lại chênh lệch tỷ giá khoản vay có gốc ngoại tệ cuối năm. Theo đó, chúng tôi cũng không đưa ra ý kiến nhận xét về ảnh hưởng của các nội dung này đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

- Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cà phê Thái Hoà Lâm Đồng (công ty con) cho năm tài chính 2012 đã nêu ý kiến ngoại trừ về: Chênh lệch hàng tồn kho phát hiện thiếu khi kiểm kê; Chưa phân loại tuổi nợ và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi; Trích thiếu chi phí khấu hao tài sản cố định trong năm. Theo đó, chúng tôi cũng không đưa ra ý kiến nhận xét về ảnh hưởng của các nội dung này đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) đến báo cáo tài chính vì lý do nêu trên, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Hoà tại ngày 31/12/2012, kết quả kinh doanh hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, các báo cáo được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Lưu ý người đọc, không phù hợp với ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý với người đọc Báo cáo rằng:

Thứ nhất: Tại ngày 31/12/2012, Tài sản ngắn hạn nhỏ hơn Nợ phải trả ngắn hạn là: 718.391.827.888 đồng, lỗ trong năm 2012 là: 392.876.330.899 đồng chưa kể đến ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, lỗ lũy kế đến thời điểm 31/12/2012 là 622.543.855.512 đồng. Các yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh có thể thu được trong tương lai và sự hỗ trợ tài chính của các cổ đông và các ngân hàng. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã lên phương án thanh toán các khoản nợ như phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc bán một số dự án đã triển khai, đồng thời xin gia hạn các khoản vay đến hạn. Bên cạnh đó, các cổ đông chính của Công ty cam kết sẽ tiếp tục cung cấp nguồn tài chính và các khoản tín dụng cho Công ty bất cứ khi nào cần thiết để Công ty đủ khả năng duy trì hoạt động của mình. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến các vấn đề không chắc chắn nêu trên.

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2013

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
THĂNG LONG – T.D.K**

P. Tổng Giám đốc



NGUYỄN TRUNG KIÊN

Chứng chỉ kiểm toán viên số 1129/KTV

Kiểm toán viên

NGUYỄN TIÊN THÀNH

Chứng chỉ kiểm toán viên số 1706/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.191.562.814.135	1.533.638.392.634
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.290.341.934	8.649.498.232
1. Tiền	111	V.01	3.290.341.934	8.649.498.232
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		171.289.859	2.171.364.631
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	171.289.859	2.171.364.631
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		349.130.026.544	484.719.909.589
1. Phải thu khách hàng	131		296.445.081.972	335.631.018.453
2. Trả trước cho người bán	132		71.763.397.130	110.554.895.418
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	62.757.744.185	82.047.102.621
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(81.836.196.743)	(43.513.106.903)
IV. Hàng tồn kho	140		608.693.520.842	1.013.133.919.262
1. Hàng tồn kho	141	V.04	662.852.991.226	1.013.133.919.262
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(54.159.470.384)	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		230.277.634.955	24.963.700.920
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.837.101.785	1.773.655.057
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.431.446.743	2.683.601.550
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.05	9.960.000	6.960.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		224.999.126.427	20.499.484.313
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		839.962.534.516	781.233.227.270
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		810.269.336.341	753.046.252.210
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	547.065.077.138	511.599.325.187
- Nguyên giá	222		728.933.369.429	685.335.685.296
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(181.868.292.291)	(173.736.360.109)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	3.770.673.905	3.832.647.670
- Nguyên giá	228		3.907.197.430	3.935.422.590
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(136.523.525)	(102.774.920)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	259.433.585.298	237.614.279.353
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5.000.000	5.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.09	5.000.000	5.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		12.055.251.857	7.836.267.770
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	3.588.772.358	6.074.827.508
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		8.466.479.499	1.761.440.262
VI. Lợi thế thương mại	269		17.632.946.318	20.345.707.290
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.031.525.348.651	2.314.871.619.904

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		2.043.236.573.317	1.959.888.072.485
I. Nợ ngắn hạn	310		1.909.954.642.022	1.853.432.142.328
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	1.422.212.058.581	1.499.045.326.536
2. Phải trả người bán	312		25.056.832.991	122.699.805.394
3. Người mua trả tiền trước	313		25.044.351.857	32.160.400.831
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	14.434.027.085	14.878.820.088
5. Phải trả người lao động	315		4.566.358.914	2.616.085.289
6. Chi phí phải trả	316	V.13	338.977.618.273	141.711.625.683
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	76.559.599.355	37.133.403.493
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		3.103.794.966	3.186.675.014
II. Nợ dài hạn	330		133.281.931.295	106.455.930.157
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	10.200.694.757
3. Phải trả dài hạn khác	333		5.852.483.995	558.819.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.15	127.429.447.300	95.696.416.400
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(13.875.518.208)	378.076.576.249
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	(13.875.518.208)	378.076.576.249
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		577.499.950.000	577.499.950.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		25.778.291.296	13.366.010.056
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.684.051.671	2.683.829.163
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.706.044.337	2.706.376.808
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(622.543.855.512)	(218.179.589.778)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
C- Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		2.164.293.542	(23.093.028.830)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.031.525.348.651	2.314.871.619.904

Lập, ngày 03 tháng 4 năm 2013

Kế toán trưởng



HÀ THỊ KIM THOA

Đồng Giám đốc



NGUYỄN VĂN AN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.17	280.635.855.393	1.358.535.527.249
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		0	69.742.133.333
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		280.635.855.393	1.288.793.394.916
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.18	414.427.086.331	1.234.897.383.370
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(133.791.230.937)	53.896.011.546
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.19	6.100.654.642	46.602.039.559
7. Chi phí tài chính	22	VI.20	220.570.595.768	286.453.193.106
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		200.634.514.149	258.566.350.202
8. Chi phí bán hàng	24		4.468.953.819	18.567.979.653
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		57.646.121.695	82.178.920.779
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(410.376.247.576)	(286.702.042.433)
11. Thu nhập khác	31	VI.21	53.271.316.912	9.995.420.421
12. Chi phí khác	32	VI.22	36.147.911.755	4.133.290.939
13. Lợi nhuận khác	40		17.123.405.158	5.862.129.482
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(393.252.842.419)	(280.839.912.951)
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.23	0	121.349.135
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	VI.24	376.511.519	(1.761.440.262)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(392.876.330.899)	(279.199.821.824)
Lợi ích của cổ đông thiểu số			(2.296.811)	(68.911.088.757)
Lợi ích của cổ đông Công ty mẹ			(392.874.034.089)	(210.288.733.067)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.25	(6.803)	(3.641)

Lập, ngày 03 tháng 4 năm 2013

Kế toán trưởng



HÀ THỊ KIM THOA

Tổng Giám đốc



NGUYỄN VĂN AN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>		(393.252.842.419)	(280.839.912.951)
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>		300.858.935.776	350.594.117.097
- Khấu hao tài sản cố định		8.131.932.182	52.615.462.163
- Các khoản dự phòng		92.482.560.224	43.513.106.903
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện			410.900.155
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(390.070.779)	(4.511.702.326)
- Chi phí lãi vay		200.634.514.149	258.566.350.202
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>		(92.393.906.643)	69.754.204.146
- Tăng, giảm các khoản phải thu		(67.660.604.263)	36.022.427.824
- Tăng, giảm hàng tồn kho		350.280.928.036	511.063.005.734
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(68.734.374.655)	(74.512.422.404)
- Tăng, giảm chi phí trả trước		363.032.735	(1.107.455.465)
- Tiền lãi vay đã trả		(13.121.760.216)	(172.815.019.812)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(114.809.503)	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		44.234.300.239	101.755.449.522
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(97.924.204.540)	(224.351.672.350)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		54.928.601.190	245.808.517.195
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(194.192.574)	(2.307.576.223)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		29.899.574.636	4.574.227.682
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(3.044.345.203)	(18.525.126.555)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		7.269.503.833	42.136.612.334
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.200.000.000	38.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		264.812.124	4.511.702.326
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		35.395.352.816	68.389.839.564
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		74.044.240.000	1.513.983.380.764
4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(169.718.438.804)	(1.876.617.827.575)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		(95.674.198.804)	(362.634.446.811)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>		(5.350.244.798)	(48.436.090.052)
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>		8.649.498.232	57.093.666.094

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÁI HOÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 352 đường Giải Phóng - Thanh Xuân - Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(8.911.500)	(8.077.810)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3.290.341.934	8.649.498.232

Lập, ngày 03 tháng 4 năm 2013

Kế toán trưởng

HÀ THỊ KIM THOA

Tổng Giám đốc



NGUYỄN VĂN AN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Hoà Việt Nam chuyển đổi từ Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thái Hoà, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100367361 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/05/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 30/08/2010. Theo đó:

Trụ sở chính: Số 352 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

Vốn điều lệ: **550.000.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi tỷ đồng);**

Cơ cấu vốn điều lệ:

STT	Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Nguyễn Văn An	23.887.500	41,36%
2	Ngô Thị Hạnh	305.375	0,53%
3	Nguyễn Đăng Ninh	36.750	0,06%
4	Cổ đông khác	33.520.370	58,05%

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Thương mại, xây dựng, trồng trọt, dịch vụ và tư vấn.

3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 05 ngày 30/08/2010, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Chế biến nông sản; Buôn bán hàng lương thực, thực phẩm;
- Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình; Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng; Kinh doanh nhà ở;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Vận tải hàng hoá bằng ô tô;
- Đầu tư, kinh doanh khu công nghiệp, trung tâm thương mại; Kinh doanh cho thuê kho tàng, nhà xưởng; Sản xuất, mua bán thiết bị viễn thông, thiết bị điện, điện tử, thiết bị văn phòng;
- Trồng cây cà phê, cây lâu năm, trồng rừng;
- Đào tạo, dạy nghề: trồng trọt, lâm sinh, chế biến nông, lâm, thủy hải sản, cơ khí nông nghiệp, lái xe, quản lý trang trại, ngoại ngữ, tin học văn phòng, sửa chữa ô tô, xe máy, may thêu;
- Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Du lịch lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ du lịch khác;
- Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);
- Tư vấn lập dự án đến nhóm B; Tư vấn lắp đặt các thiết bị cho các công trình xây dựng, tư vấn về đấu thầu;
- Kiểm định chất lượng công trình xây dựng giao thông; Thẩm định dự án đầu tư;
- Thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thẩm tra thiết kế thi công và tổng dự toán đối với các công trình dân dụng và công nghiệp; Xác định, đánh giá nguyên nhân sự cố công trình và các yếu tố khác liên quan để lập phương án gia cố sửa chữa;
- Nhận thầu thi công, xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình bưu điện, thông tin liên lạc, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp và khu dân cư, thi công san

- lắp mặt bằng, xử lý nền, móng công trình; Quản lý dự án;
- Dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị, máy xây dựng công trình;
- Chế biến lâm sản, mộc, gỗ; Trồng cây cao su; lập dự án đầu tư trong nông nghiệp, trồng trọt, chế biến nông, lâm sản;
- Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng phương tiện ô tô;
- Thiết kế hệ thống điện công trình, công nghiệp, thiết kế đường dây và trạm biến áp đến 35kv; Thiết kế cấp thoát nước; Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp;
- Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm, chăn nuôi gia súc, gia cầm, đại gia súc;
- Sản xuất phân bón các loại, phân vi sinh, NPK, chế phẩm từ chất thải nông, công nghiệp;
- Kinh doanh nước sạch và dịch vụ xử lý môi trường; Bán buôn rượu bia (không bao gồm kinh doanh quán bar); Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật.

4. Công ty con hợp nhất Báo cáo tài chính và tỷ lệ sở hữu

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
1	Công ty CP Cà phê An Giang	KCN Tam Phước, đường 4, xã Tam Phước, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai	52,4%	52,4%
2	Công ty CP Cà Phê Thái Hòa Lâm Đồng	Thị trấn Đình Văn,, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	100%	51%
3	Công ty CP Cà Phê Thái Hòa Quảng Trị	Cụm Công Nghiệp, thị trấn Lao Bảo, huyện Hương Hoá, tỉnh Quảng Trị	100%	51%
4	Công ty TNHH MTV cao su Thái Hòa Lào	Bản DdongoNaSaSSan, huyện Noong, tỉnh SaVanNaKhet, Lào	100%	100%
5	Công ty TNHH MTV Thái Hòa Nghệ An	Xã Tây Hiếu, thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An	100%	100%
6	Công ty CP Cà Phê Thái Hòa Sơn La	Xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La	99,85%	51%
7	Công ty TNHH MTV Thái Ninh	Khóm 3B, thị trấn Khe Xanh, huyện Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị	100%	100%
8	Công ty CP Cà Phê Thái Hòa Hòa Bình	Xóm Xê 3, xã Ngọc Lâu, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình	100%	56,7%
9	Công ty Cổ phần Thái Hòa Hồ Chí Minh	Tầng 12, toà nhà Gilimex, số 24C Phan Đăng Lưu, phường 6, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	68%	65%
10	Công ty Cổ phần Thái Hoà Buôn Ma Thuột	Số 153 Nguyễn Chí Thanh, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh DakLak	100%	51%
11	Công ty TNHH MTV Cà phê Thái Hoà Lào	Bản Vặt Luống, huyện Paksong, tỉnh Chawmpasak, Lào	100%	100%

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (Ký hiệu là VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG.

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Thay đổi trong chính sách kế toán, cam kết tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán

Ngày 06/01/2009 Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính (áp dụng từ năm tài chính 2011).

Theo hướng dẫn tại Thông tư này, Ban Giám đốc Công ty đã xem xét và đánh giá các ảnh hưởng của các quy định mới đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và quyết định chưa áp dụng các quy định này trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 với các lý do sau đây

- Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát sinh các công cụ tài chính phức tạp;
- Chưa có hướng dẫn chi tiết trong việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính cũng như việc ghi nhận trên báo cáo tài chính;
- Chưa có cơ sở để đánh giá và xác định mức độ rủi ro cụ thể đối với rủi ro thị trường của rủi ro tín dụng, rủi ro lãi suất và rủi ro thanh toán cũng như hướng dẫn phương thức ghi nhận trên báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con:

Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các Báo cáo tài chính của Công ty con được hợp nhất trong các Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Lợi thế thương mại:

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất:

Các số dư nội bộ về công nợ phải thu, phải trả nội bộ; toàn bộ thu nhập, chi phí và các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

2.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền, công nợ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

2.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho trích lập trong năm là: 54.159.470.384 đồng.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình: Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau::

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 10 năm
- Phương tiện vận tải	05 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
- Tài sản cố định vô hình	03 – 08 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

6.1. Nguyên tắc ghi nhận

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên liên doanh theo hợp đồng liên doanh.
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “trương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

6.2 Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{c} \text{Mức dự} \\ \text{phòng tổn} \\ \text{thất các} \\ \text{khoản đầu} \\ \text{tư tài chính} \end{array} = \left[\begin{array}{c} \text{Vốn góp thực tế} \\ \text{của các bên tại} \\ \text{tổ chức kinh tế} \end{array} - \begin{array}{c} \text{Vốn chủ} \\ \text{sở hữu thực} \\ \text{có} \end{array} \right] \times \frac{\text{Vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các} \\ \text{bên tại tổ chức kinh tế}}$$

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan đến quá trình làm thủ tục vay.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các khoản chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch. Hạch toán vào chi phí phải trả năm nay là lãi vay phải trả.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần là giá trị chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ đi các khoản điều chỉnh do áp dụng hội tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hội tố sai sót trọng yếu của các năm trước và điều chỉnh theo các quy định khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu.

12.1. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

12.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

112.3. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí tài chính: Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

14. Nguyên tắc ghi nhận Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và các loại thuế khác.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác

với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại: Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế GTGT được kê khai và hạch toán theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định hiện hành của Nhà nước.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty mẹ kiểm soát. Việc kiểm soát này đạt được khi công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa công ty mẹ và các công ty con được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông thiểu số: Lợi ích của cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của công ty, trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh: Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Khoản lỗ phát sinh giữa giá mua và giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi thế thương mại: Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày nắm quyền kiểm soát. Lợi thế thương mại được coi là tài sản cố định vô hình và tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian ước tính là 10 năm.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	<i>Cuối năm</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i> <i>Đầu năm</i>
01. Tiền		
- Tiền mặt	1.585.993.714	5.055.595.543
- Tiền gửi ngân hàng (VND)	1.704.348.220	3.593.902.689
Cộng	3.290.341.934	8.649.498.232
02. Đầu tư ngắn hạn		
- Tiền gửi có kỳ hạn	0	2.000.000.000
- Đầu tư ngắn hạn khác	171.289.859	171.364.631
Cộng	171.289.859	2.171.364.631
03. Các khoản phải thu khác		
- BHXH, BHYT, BHTN nộp thừa	34.652.511	572.813.010
- Phải thu Công ty CP Xây dựng	0	17.810.190.825
- Phải thu khác của cán bộ nhân viên	108.755.400	10.489.915
- Tạm ứng tiền xây dựng Nhà máy cà phê hoà tan	13.592.462.887	0
- Phải thu khác	49.021.873.387	63.653.608.871
Cộng	62.757.744.185	82.047.102.621
04. Hàng tồn kho		
- Nguyên liệu, vật liệu	9.857.245.000	13.349.692.445
- Công cụ, dụng cụ	1.094.370.092	1.094.370.092
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	71.354.853.288	111.523.220.898
- Thành phẩm	279.857.969.916	535.083.404.446
- Hàng hoá	243.187.595.993	278.906.622.044
- Hàng gửi đi bán	57.500.956.937	73.176.609.337
Cộng	662.852.991.226	1.013.133.919.262
05. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		
- Thuế TNDN nộp thừa	9.960.000	6.960.000
Cộng	9.960.000	6.960.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÁI HOÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 352 đường Giải Phóng - Thanh Xuân - Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**06. Tình hình tăng, giảm TSCĐ hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Cây lâu năm	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	263.441.896.830	255.218.443.908	37.286.358.720	90.214.020.164	39.174.965.674	685.335.685.296
- Mua trong năm	0	20.605.115.759	354.390.273	10.623.505.575	98.490.000	31.681.501.607
- Đầu tư XD CB hoàn thành	30.701.369.063	0	0	0	0	30.701.369.063
- Tăng khác	0	0	24.642.000	0	11.052.691.946	11.077.333.946
- Thanh lý, nhượng bán	(24.851.357.380)	(531.818.181)	(2.959.930.192)	0	0	(28.343.105.753)
- Giảm khác	0	0	(1.519.414.730)	0	0	(1.519.414.730)
Số dư cuối năm	269.291.908.513	275.291.741.486	33.186.046.071	100.837.525.739	50.326.147.620	728.933.369.429
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	50.461.809.240	99.870.784.089	16.454.638.913	1.155.751.653	5.793.376.214	173.736.360.109
- Khấu hao trong năm	8.115.027.334	13.400.269.111	2.159.750.276	942.962.993	622.874.922	25.240.884.636
- Thanh lý, nhượng bán	(9.107.371.987)	0	(2.647.093.489)	0	(5.354.486.978)	(17.108.952.454)
Số dư cuối năm	49.469.464.587	113.271.053.200	15.967.295.700	2.098.714.646	1.061.764.158	181.868.292.291
III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH						
- Tại ngày đầu năm	212.980.087.590	155.347.659.819	20.831.719.807	89.058.268.511	33.381.589.460	511.599.325.187
- Tại ngày cuối năm	219.822.443.926	162.020.688.286	17.218.750.371	98.738.811.093	49.264.383.462	547.065.077.138

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÁI HOÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 352 đường Giải Phóng - Thanh Xuân - Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**07. Tình hình tăng, giảm TSCĐ vô hình***Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Trang web	Biểu tượng công ty	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình					
Số dư đầu năm	3.672.056.760	11.077.260	84.081.000	168.207.570	3.935.422.590
- Giảm khác	0	0	0	(28.225.160)	(28.225.160)
Số dư cuối năm	3.672.056.760	11.077.260	84.081.000	139.982.410	3.907.197.430
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	18.408.330	11.077.260	59.749.919	13.539.411	102.774.920
- Khấu hao trong năm	0	0	6.000.000	27.748.605	33.748.605
Số dư cuối năm	18.408.330	11.077.260	65.749.919	41.288.016	136.523.525
III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình					
- Tại ngày đầu năm	3.653.648.430	0	24.331.081	154.668.159	3.832.647.670
- Tại ngày cuối năm	3.653.648.430	0	18.331.081	98.694.394	3.770.673.905

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÁI HOÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 352 đường Giải Phóng - Thanh Xuân - Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
08. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
- Đầu tư tại Thái Hòa Quảng Trị (DA Hường Tân)	15.554.240.713	15.532.015.713
- DA nhà máy hòa tan và phân vi sinh Lâm Đồng	5.085.598.726	5.085.598.726
- DA tại Sơn La	38.876.064.601	24.673.308.607
- Dự án ở Buôn Ma Thuột	43.622.200.498	41.446.846.503
- DA nhà máy chế biến và trồng cà phê tại Lào	3.255.426.555	49.494.405.960
- Đầu tư trồng chăm sóc cà phê Hòa Bình	4.455.735.746	5.667.135.681
- DA phân vi sinh Nghệ An	1.422.507.836	1.422.507.836
- Trồng Cao su bên Lào	143.712.494.771	94.118.318.312
- Các công trình khác	3.449.315.851	174.142.015
Cộng	259.433.585.298	237.614.279.353
09. Đầu tư dài hạn khác		
- Trái phiếu chính phủ	5.000.000	5.000.000
Cộng	5.000.000	5.000.000
10. Chi phí trả trước dài hạn		
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	264.733.403	264.733.403
- Các chi phí khác	3.324.038.955	5.810.094.105
Cộng	3.588.772.358	6.074.827.508
11. Vay và nợ ngắn hạn		
- Vay ngắn hạn	1.305.456.658.581	1.382.289.926.536
- Nợ dài hạn đến hạn trả	16.755.400.000	16.755.400.000
- Trái phiếu chuyển đổi	100.000.000.000	100.000.000.000
Cộng	1.422.212.058.581	1.499.045.326.536
12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
- Thuế giá trị gia tăng	8.904.457.757	9.118.122.738
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.493.158.836	5.753.284.088
- Thuế thu nhập cá nhân	36.410.492	7.413.262
Cộng	14.434.027.085	14.878.820.088
13. Chi phí phải trả		
- Lãi vay phải trả	338.977.618.273	141.711.625.683
Cộng	338.977.618.273	141.711.625.683
14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
- BHXH, BHYT, BHTN	1.587.595.000	478.027.314
- Phải trả bà,Ngô Thị Hạnh	45.245.620.000	0
- Phải trả khác	29.726.384.355	36.655.376.179
Cộng	76.559.599.355	37.133.403.493
15. Vay và nợ dài hạn		
	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÁI HOÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 352 đường Giải Phóng - Thanh Xuân - Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

- Vay ngân hàng	110.923.447.300	95.696.416.400
- Vay cá nhân	16.506.000.000	0
Cộng	127.429.447.300	95.696.416.400

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÁI HOÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 352 đường Giải Phóng - Thanh Xuân - Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

16. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	550.000.000.000	24.633.057.750	1.024.440.553	995.774.973	24.739.567.258	601.392.840.534
- Tăng vốn trong năm trước	27.499.950.000	0	0	0	0	27.499.950.000
- Tăng khác	0	2.607.386.696	1.709.950.171	1.709.950.171	0	6.027.287.038
- Giảm vốn trong năm trước	0	0	0	651.664	0	651.664
- Lỗi trong năm trước	0	0	0	0	(210.288.733.067)	(210.288.733.067)
- Giảm khác	0	(13.874.434.390)	(50.561.561)	0	(32.630.423.969)	(46.555.419.920)
Số dư đầu năm nay	577.499.950.000	13.366.010.056	2.683.829.163	2.706.376.808	(218.179.589.778)	378.076.576.249
- Tăng khác	0	12.412.281.240	222.508	0	0	12.412.503.748
- Lỗi trong năm nay	0	0	0	0	(392.874.034.089)	(392.874.034.089)
- Giảm khác	0	0	0	(332.471)	(11.490.231.645)	(11.490.564.116)
Số dư cuối năm nay	577.499.950.000	25.778.291.296	2.684.051.671	2.706.044.337	(622.543.855.512)	(13.875.518.208)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
17. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	280.635.855.393	1.358.535.527.249
Cộng	280.635.855.393	1.358.535.527.249
18. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn của hàng hoá đã bán, dịch vụ đã cung cấp	360.267.615.947	1.234.897.383.370
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	54.159.470.384	0
Cộng	414.427.086.331	1.234.897.383.370
19. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi	259.535.123	4.511.702.326
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.078.845.123	1.461.723.755
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	0	6.684.475.309
- Lãi chuyển nhượng vốn góp	0	31.758.257.907
- Các khoản khác	762.274.396	2.185.880.262
Cộng	6.100.654.642	46.602.039.559
20. Chi phí tài chính		
- Chi phí lãi vay	200.634.514.149	258.566.350.202
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	17.553.258.168	1.050.823.600
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	0	18.758.611.477
- Các khoản khác	2.382.823.451	8.077.407.827
Cộng	220.570.595.768	286.453.193.106
21. Thu nhập khác		
- Thu từ thanh lý tài sản cố định	50.098.604.729	0
- Thu cho thuê kho	709.440.462	0
- Các khoản khác	2.463.271.721	9.995.420.421
Cộng	53.271.316.912	9.995.420.421
22. Chi phí khác		
- Chi phí thanh lý TSCĐ	32.871.964.551	0
- Các khoản khác	3.275.947.204	4.133.290.939
Cộng	36.147.911.755	4.133.290.939
23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(393.252.842.419)	(280.839.912.951)
- Chi phí bị loại trừ	0	0
- Thu nhập không chịu thuế	0	0
- Thu nhập chịu thuế	(393.252.842.419)	(280.839.912.951)
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	0	121.349.135

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được cộng từ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của công ty mẹ và các công ty con trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và các công ty con. Theo đó, thu nhập chịu thuế trên các Báo cáo tài chính riêng này không được bù trừ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho các công ty là khác nhau

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	376.511.519	(1.761.440.262)
Cộng	<u>376.511.519</u>	<u>(1.761.440.262)</u>
25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
- Lợi nhuận sau thuế	(392.874.034.089)	(210.288.733.067)
- Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	57.749.995	57.749.995
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(6.803)	(3.641)

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế kiểm toán.

Lập, ngày 03 tháng 4 năm 2013

Kế toán trưởng

HÀ THỊ KIM THOA

Tổng Giám đốc



NGUYỄN VĂN AN